



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
(Kèm theo thông báo số 23/UB-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Yên Bình)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm và bổ sung trong năm	Thực hiện		So sánh (%)	
			Quý III	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.050.000.000	1.443.455.698	3.665.177.749	120,17	168
I	Thu nội địa không kể dầu thô	3.050.000.000	1.443.455.698	3.665.177.749	120,17	168
II	Thu về dầu thô				0,00	
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				0,00	
IV	Thu Viện trợ				0,00	
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	74.347.000.000	19.041.464.339	64.417.010.300	86,64	23
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.261.000.000	1.240.464.339	3.049.534.548	134,88	168
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	2.180.000.000	1.209.488.673	2.867.760.835	131,55	163
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	81.000.000	30.975.666	181.773.713	224,41	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	72.086.000.000	18.401.000.000	47.103.503.000	65,34	22
1	Bổ sung cân đối	50.261.000.000	13.200.000.000	32.800.000.000	65,26	29
2	Bổ sung có mục tiêu	21.825.000.000	5.201.000.000	14.303.503.000	65,54	14
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				0,00	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			14.263.972.752	0,00	
V	Thu kết dư				0,00	
C	TỔNG CHI NSDP	99.844.664.554	14.873.607.384	50.585.948.766	50,66	50
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	99.844.664.554	14.873.607.384	50.585.948.766	50,66	51
1	Chi đầu tư phát triển	3.973.681.554	505.015.600	3.187.463.426	80,21	
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	95.870.983.000	14.368.591.784	47.398.485.340	49,44	35
3	Chi trả lãi, phí tiền vay					



4	Chi viện trợ					
5	Chi cho vay					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN					
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển giao (cột DT thể hiện số KP bổ sung có mục tiêu trong năm)					

